

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05-41
Bảng cân đối kế toán riêng	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-41

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ ITD (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Hoài An	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	
Ông Đinh Thế Hiển	Thành viên	

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Trung	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/11/2025
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/07/2025

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ngày 26/06/2025, Công ty đã được thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty từ Ban kiểm soát chuyển sang Ủy ban kiểm toán.

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Đinh Thế Hiển	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/07/2025
Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/07/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Mai Hoài An – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Ngọc Trung - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Trung

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026



Số: 050626.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được lập ngày 05 tháng 06 năm 2026, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 |

Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2026	01/04/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		93.564.520.742	99.450.293.846
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	14.781.802.135	4.281.802.836
111	1. Tiền		8.690.802.135	2.580.194.836
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.091.000.000	1.701.608.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	36.554.295.770	10.565.032.014
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		36.554.295.770	10.565.032.014
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.691.260.861	71.128.624.798
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	46.743.281.095	142.537.451.497
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	1.864.691.783	5.823.955.191
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.091.356.671	1.933.741.037
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.008.068.688)	(79.166.522.927)
140	IV. Hàng tồn kho	09	3.427.394.776	12.627.957.884
141	1. Hàng tồn kho		3.749.888.776	25.090.712.463
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(322.494.000)	(12.462.754.579)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.109.767.200	846.876.314
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	163.748.268	111.441.041
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		946.018.932	735.435.273
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		234.952.480.721	216.545.246.407
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		106.251.234	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	106.251.234	-
220	II. Tài sản cố định		40.515.606.567	42.060.244.063
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	27.960.197.305	28.593.615.365
222	- Nguyên giá		70.526.111.550	71.069.460.360
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.565.914.245)	(42.475.844.995)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	12.555.409.262	13.466.628.698
228	- Nguyên giá		24.771.297.245	24.771.297.245
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.215.887.983)	(11.304.668.547)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	10	628.309.457	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		628.309.457	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	04	190.556.723.388	174.451.807.888
251	1. Đầu tư vào công ty con		225.742.723.388	208.425.807.888
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.000.000.000	6.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.367.100.000	7.367.100.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(48.553.100.000)	(47.341.100.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.145.590.075	33.194.456
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.145.590.075	33.194.456
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		328.517.001.463	315.995.540.253

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2026	01/04/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.142.582.714	52.550.689.404
310	I. Nợ ngắn hạn		17.803.932.191	49.871.989.950
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	9.970.280.602	9.687.975.050
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.325.852.289	6.836.182.972
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.204.110.574	44.952.518
314	4. Phải trả người lao động		-	3.372.991.107
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	143.212.271	256.998.545
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	591.018.618	421.413.450
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	-	26.868.672.844
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	194.467.380	577.278.473
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.374.990.457	1.805.524.991
330	II. Nợ dài hạn		1.338.650.523	2.678.699.454
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	501.042.500	195.200.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	837.608.023	2.483.499.454
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		309.374.418.749	263.444.850.849
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	309.374.418.749	263.444.850.849
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		262.449.950.000	245.335.910.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		262.449.950.000	245.335.910.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(721.880.000)	(721.880.000)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.646.348.749	18.830.820.849
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.010.409.167	(18.779.922.243)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		46.635.939.582	37.610.743.092
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		328.517.001.463	315.995.540.253

Vũ Thị Nữ
 Người lập

Nguyễn Minh Hoàn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Trung
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	86.494.147.067	149.495.758.810
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.494.147.067	149.495.758.810
11	4. Giá vốn hàng bán	24	72.488.870.959	109.533.673.011
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.005.276.108	39.962.085.799
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	13.258.752.110	17.597.286.136
22	7. Chi phí tài chính	26	1.370.680.057	4.357.346.682
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		158.680.057	1.672.244.207
25	8. Chi phí bán hàng	27	238.271.939	8.030.452.232
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(47.725.218.733)	8.715.042.515
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		73.380.294.955	36.456.530.506
31	11. Thu nhập khác	29	2.619.995.290	2.399.091.705
32	12. Chi phí khác	30	51.485.962	431.065.984
40	13. Lợi nhuận khác		2.568.509.328	1.968.025.721
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		75.948.804.283	38.424.556.227
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.140.057.701	310.073.570
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>72.808.746.582</u>	<u>38.114.482.657</u>

Vũ Thị Nữ
Người lập

Nguyễn Minh Hoàn
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Trung
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		75.948.804.283	38.424.556.227
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.920.866.868	3.225.953.272
03	- Các khoản dự phòng		(78.963.778.706)	(8.114.949.630)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.804.396)	(1.993.209)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.830.937.502)	(17.578.404.466)
06	- Chi phí lãi vay		158.680.057	1.672.244.207
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(17.274.045)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.769.169.396)	17.610.132.356
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		99.868.068.675	36.790.572.774
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		21.340.823.687	(1.233.842.805)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.388.774.580)	(60.469.808.915)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.164.702.846)	218.137.545
14	- Tiền lãi vay đã trả		(315.678.602)	(1.569.631.358)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(310.073.570)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	806.535.788
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.765.215.673)	(239.333.298)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		94.805.351.265	(8.397.311.483)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.376.229.372)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		586.363.637	506.159.017
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(49.944.295.770)	(13.065.032.014)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		23.955.032.014	4.180.882.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(17.316.915.500)	(20.324.856.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.655.488.473	17.497.552.902
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.440.556.518)	(11.205.294.095)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.412.687.225	82.115.736.315
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(32.281.360.069)	(114.104.574.354)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(25.998.927.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(52.867.599.844)</i>	<i>(31.988.838.039)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.497.194.903	(51.591.443.617)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.281.802.836	55.871.253.244
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.804.396	1.993.209
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>14.781.802.135</u>	<u>4.281.802.836</u>

Vũ Thị Nữ
Người lập

Nguyễn Minh Hoàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Trung
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Công ty đã thực hiện đổi tên từ Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong sang tên hiện tại theo thông báo thay đổi giấy chứng nhận doanh nghiệp kể từ ngày 04/08/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 262.449.950.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 262.449.950.000 VND; tương đương 26.244.995 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 là: 27 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2025 là: 11 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm tài chính 2025, do Công ty thực hiện điều chỉnh mô hình hoạt động, chuyển giao lĩnh vực kinh doanh chính sang Công ty con – Công ty Cổ phần Giải pháp ITD theo Nghị quyết HĐQT, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm hơn 63 tỷ đồng (tương ứng 42,14%). Việc giảm doanh thu kéo theo giá vốn hàng bán cũng giảm tương ứng 37,04 tỷ đồng (tương ứng 33,82%).

Trong năm, Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu bộ máy nhân sự, chuyển giao nhân sự bộ phận kinh doanh bán hàng sang Công ty con - Công ty Cổ phần Giải pháp ITD theo nghị quyết HĐQT, đồng thời tối ưu nguồn lực và kiểm soát chi phí hoạt động. Nhờ đó, chi phí bán hàng giảm 7,79 tỷ đồng (tương ứng 97,03%) so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, Công ty đã thu hồi được khoản công nợ khó đòi của Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC trị giá 66,78 tỷ đồng, góp phần làm chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 56,44 tỷ đồng (tương ứng 647,62%).

Tổng hợp các nguyên nhân nêu trên đã góp phần làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty trong năm tăng 37,52 tỷ đồng, tương ứng tăng 97,66% so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có đơn vị trực thuộc sau:**

Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Địa chỉ

TP. Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Văn phòng đại diện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng phải trả.
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước.
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính.
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	26 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	31	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 05 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 5% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính hoạt động mua bán, cung cấp dịch vụ viễn thông tin học và hạ tầng giao thông nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán được phê duyệt, đã phát sinh thực tế nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần hàng hóa, dịch vụ đã hoàn thành trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa đã bán, dịch vụ đã hoàn thành.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.690.802.135	2.580.194.836
Các khoản tương đương tiền (*)	6.091.000.000	1.701.608.000
	14.781.802.135	4.281.802.836

(*) Tại ngày 31/03/2026, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 6.091.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,30%/năm đến 4,75%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	36.554.295.770	-	10.565.032.014	-
	36.554.295.770	-	10.565.032.014	-

(*) Tại ngày 31/03/2026, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 36.554.295.770 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,95%/năm đến 7,30%/năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	31/03/2026		01/04/2025	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
		VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		225.742.723.388	139.487.028.200	208.425.807.888	157.854.130.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu ⁽¹⁾	GLT	34.510.534.223	139.487.028.200	29.174.984.223	157.854.130.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến ⁽²⁾⁽³⁾		15.484.070.100	-	13.434.330.100	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD ⁽³⁾⁽³⁾		29.657.142.101	-	29.624.516.601	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh ⁽⁵⁾		37.204.976.964	(30.785.000.000)	37.204.976.964	(31.003.000.000)
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion ⁽⁵⁾		89.987.000.000	-	89.987.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development ⁽⁵⁾		9.000.000.000	(4.401.000.000)	9.000.000.000	(4.534.000.000)
- Công ty Cổ phần ITD Global ⁽⁴⁾⁽⁵⁾		9.899.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết		6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(4.437.000.000)
- Công ty Cổ phần Intelnet ^{(3)(*)}		6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(4.437.000.000)
Đầu tư vào đơn vị khác		7.367.100.000	(7.367.100.000)	7.367.100.000	(7.367.100.000)
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam ⁽⁵⁾		7.367.100.000	(7.367.100.000)	7.367.100.000	(7.367.100.000)
		239.109.823.388	139.487.028.200	221.792.907.888	157.854.130.000
			(48.553.100.000)		(47.341.100.000)

(*) Công ty Cổ phần Intelnet tạm ngừng hoạt động theo giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh ngày 21/07/2025.

(1) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX tại ngày 31/03/2026 và ngày 01/04/2025.

Trong năm, Công ty đã mua lại 155.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu của các cổ đông cá nhân với giá mua trung bình là 34.423 VND/cổ phần, tương đương tổng giá mua là 5.335.550.000 VND.

(2) Trong năm, căn cứ vào các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, Công ty đã mua lại 146.410 cổ phần Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến của các cổ đông cá nhân với giá mua là 14.000 VND/cổ phần, tương đương tổng giá mua là 2.049.740.000 VND.

(3) Trong năm, căn cứ vào các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, Công ty đã mua lại 2.837 cổ phần Công ty Cổ phần Giải pháp ITD của các cổ đông cá nhân với giá mua là 11.500 VND/cổ phần, tương đương tổng giá mua là 32.625.500 VND.

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

- (4) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 006/2025/NQ-HĐQT-CBTT ngày 26/08/2025 phê chuẩn góp vốn thành lập Công ty Cổ phần ITD Global với vốn điều lệ dự kiến 10.000.000.000 VND, trong đó phần vốn góp của Công ty là 9.899.000.000 VND.
- (5) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 38.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	TP. Hồ Chí Minh	50,02%	53,24%	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông; Cho thuê trạm BTS.
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	TP. Hồ Chí Minh	99,64%	99,64%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	TP. Hồ Chí Minh	99,70%	99,70%	Mua bán và cung cấp các dịch vụ liên quan đến máy tính, phần mềm, thiết bị điện, điện tử, máy văn phòng, kim khí điện máy, tin học và viễn thông.
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	TP. Hồ Chí Minh	78,21%	78,21%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
- Công ty Cổ phần ITD Global <i>Công ty liên kết</i>	TP. Hồ Chí Minh	98,99%	98,99%	Sản xuất phần mềm tin học.
- Công ty Cổ phần Intelnet <i>Đơn vị khác</i>	TP. Hồ Chí Minh	45,42%	45,42%	Lập trình máy vi tính.
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	TP. Hà Nội	2,00%	2,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

(*) Tại ngày 31/03/2026, Công ty nhận được ủy thác 300.000 cổ phần từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tánh Linh tương ứng 3,22%, từ đó nâng tổng tỷ lệ quyền biểu quyết lên 53,24%.

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	1.155.061.935	-	7.482.886.290	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	240.118.406	-	246.367.111	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	270.655.329	-	4.630.925.555	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	532.092.186	-	2.492.946.925	-
- Công ty TNHH Global - Sitem	112.196.014	-	109.826.699	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	-	2.820.000	-
<i>Bên khác</i>	39.322.217.404	(12.602.468.688)	135.054.565.207	(78.760.922.927)
- Công ty Cổ phần Giao Thông Số Việt Nam	6.266.001.756	-	-	-
- Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Công ty Cổ phần	11.284.066.431	-	32.771.674.066	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC (*)	-	-	66.782.737.696	(65.737.148.599)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Thành Hưng	7.007.326.168	-	4.626.112.372	-
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.721.094.257	-	5.502.915.540	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng 194	1.120.802.094	-	3.540.629.149	-
- Các khách hàng khác	18.188.928.454	(12.602.468.688)	21.830.496.384	(13.023.774.328)
	46.743.281.095	(12.602.468.688)	142.537.451.497	(78.760.922.927)

(*) Thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 35.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Kiến Trúc Nội Thất KPY	983.800.707	-	-	-
- Trường Cao đẳng Đường sắt	742.153.927	-	742.153.927	-
- Hansway Co., Ltd	-	-	3.323.419.090	-
- Công ty TNHH Tuyết Nga	-	-	1.191.190.000	-
- Trả trước cho người bán khác	138.737.149	-	567.192.174	-
	1.864.691.783	-	5.823.955.191	-

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	711.777.329	-	122.691.937	-
- Tạm ứng	11.667.900	-	14.952.080	-
- Ký cược, ký quỹ	120.101.497	-	425.257.586	-
- Phải thu quỹ phúc lợi	537.572.000	-	781.455.601	-
- Phải thu phí chia sẻ tiện ích	631.226.726	(405.600.000)	410.337.174	(405.600.000)
- Phải thu người lao động	40.735.355	-	175.728.659	-
- Phải thu khác	38.275.864	-	3.318.000	-
	2.091.356.671	(405.600.000)	1.933.741.037	(405.600.000)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	106.251.234	-	-	-
	106.251.234	-	-	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	73.994.875	-	359.530.601	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	421.063.315	-	283.525.529	-
- Công ty TNHH Global Sitem	187.242.575	-	62.085.645	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	80.897.961	-	81.051.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	405.600.000	(405.600.000)	405.600.000	(405.600.000)
- Ông Mai Hoài An	-	-	310.487	-
	1.168.798.726	(405.600.000)	1.192.103.262	(405.600.000)



8 . NỢ XẤU

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.635.468.688	33.000.000	79.806.512.024	1.045.589.097
- Công ty Cổ phần 715	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC (*)	-	-	66.782.737.696	1.045.589.097
- Các khoản khác	6.542.307.815	33.000.000	6.930.613.455	-
Phải thu ngắn hạn khác	405.600.000	-	405.600.000	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	405.600.000	-	405.600.000	-
	13.041.068.688	33.000.000	80.212.112.024	1.045.589.097

(*) Thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 35.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	553.848.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.170.494.776	-	23.495.102.021	(12.219.575.975)
Hàng hóa	579.394.000	(322.494.000)	1.041.762.442	(243.178.604)
	3.749.888.776	(322.494.000)	25.090.712.463	(12.462.754.579)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm và đầu năm:

	31/03/2026 VND	01/04/2025 VND
- Dự án đường sắt IVU&VNR	-	10.340.743.271
- Dự án hệ thống thu phí không dừng ETC - Giai đoạn 2	-	1.987.341.796
- Thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống thu phí ETC	739.112.820	6.259.484.605
- Dự án Diễn Châu Bãi Vọt F1/24	-	2.299.352.280
- Cung cấp phần mềm, nhân công lắp đặt thiết bị - ACV T2 Nội Bài	1.357.314.389	1.201.906.494
- Các dự án khác	1.074.067.567	1.406.273.575
	3.170.494.776	23.495.102.021

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/03/2026 VND	01/04/2025 VND
- Sửa chữa văn phòng	438.537.060	-
- Cải tạo tầng hầm	189.772.397	-
	628.309.457	-

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	50.300.949.660	17.382.379.853	2.897.755.000	488.375.847	71.069.460.360
- Mua trong năm	-	-	1.330.149.455	46.079.917	1.376.229.372
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.919.578.182)	-	(1.919.578.182)
Số dư cuối năm	50.300.949.660	17.382.379.853	2.308.326.273	534.455.764	70.526.111.550
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.481.724.278	17.382.379.853	2.123.365.017	488.375.847	42.475.844.995
- Khấu hao trong năm	1.703.217.900	-	292.349.554	14.079.978	2.009.647.432
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.919.578.182)	-	(1.919.578.182)
Số dư cuối năm	24.184.942.178	17.382.379.853	496.136.389	502.455.825	42.565.914.245
Giá trị còn lại	27.819.225.382	-	774.389.983	-	28.593.615.365
Tại ngày đầu năm	26.116.007.482	-	1.812.189.884	31.999.939	27.960.197.305
Tại ngày cuối năm					

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.870.755.700 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	24.053.529.245	717.768.000	24.771.297.245
Số dư cuối năm	24.053.529.245	717.768.000	24.771.297.245
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.101.300.947	203.367.600	11.304.668.547
- Khấu hao trong năm	767.665.836	143.553.600	911.219.436
Số dư cuối năm	11.868.966.783	346.921.200	12.215.887.983
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	12.952.228.298	514.400.400	13.466.628.698
Tại ngày cuối năm	12.184.562.462	370.846.800	12.555.409.262

(*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45 Lô A1, Đường 20, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 3.145 m², thời hạn thuê từ ngày 24/09/2012 đến ngày 23/09/2041 được sử dụng làm văn phòng Công ty và cho thuê.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	920.450	29.391.668
Chi phí mua bảo hiểm	14.763.879	16.665.908
Chi phí phần mềm	123.635.368	5.162.150
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.428.571	60.221.315
	163.748.268	111.441.041
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	29.187.332	33.194.456
Chi phí sửa chữa	3.037.599.023	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	78.803.720	-
	3.145.590.075	33.194.456

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	4.561.500.309	4.561.500.309	2.159.459.342	2.159.459.342
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	4.546.482.953	4.546.482.953	2.141.967.571	2.141.967.571
- Công ty TNHH Global Sitem	15.017.356	15.017.356	3.517.804	3.517.804
	-	-	13.973.967	13.973.967
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Công nghệ VVT	5.408.780.293	5.408.780.293	7.528.515.708	7.528.515.708
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Giao thông Đông Hải	3.956.677.200	3.956.677.200	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thiên Vận	531.520.000	531.520.000	531.520.000	531.520.000
- Phải trả người bán khác	920.583.093	920.583.093	4.706.962.826	4.706.962.826
			2.290.032.882	2.290.032.882
	9.970.280.602	9.970.280.602	9.687.975.050	9.687.975.050

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Cảng Hàng Không Mặt Trời	1.476.475.779	-	-	-
- Cty Ivu Traffic Technologies Ag-TC T/H Gói thầu EPC cho DA "HĐH TT Điều Hành VT Đường sắt - OCC" tại VN	681.455.732	681.455.732	681.455.732	681.455.732
- Người mua trả tiền trước khác	167.920.778	6.154.727.240	6.154.727.240	6.154.727.240
	2.325.852.289	6.836.182.972	6.836.182.972	6.836.182.972

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.399.946.016	1.399.946.016	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	110.130.304	110.130.304	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.140.057.701	3.140.057.701	-	-	-	-	-	3.140.057.701
Thuế Thu nhập cá nhân	-	44.952.518	2.662.092.192	2.642.991.837	-	-	-	-	-	64.052.873
	-	44.952.518	7.312.226.213	4.153.068.157	-	-	-	-	-	3.204.110.574

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/03/2026		01/04/2025	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	-	156.998.545	-
- Chi phí phải trả khác	143.212.271	100.000.000	-	-
	143.212.271	256.998.545	-	-



Công ty Cổ phần Công nghệ ITDLầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	285.403.440	285.403.440
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	212.012.300	38.132.300
- Phải trả phí chia sẻ tiện ích	-	2.835.540
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	93.602.878	95.042.170
	591.018.618	421.413.450
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	501.042.500	195.200.000
	501.042.500	195.200.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	2.835.540
	-	2.835.540

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

19 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/04/2025		Trong năm		31/03/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	13.063.263.229	13.063.263.229	-	13.063.263.229	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	6.805.409.615	6.805.409.615	4.706.962.826	11.512.372.441	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	705.724.399	705.724.399	-	-
- Vay cá nhân	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-	-
	26.868.672.844	26.868.672.844	5.412.687.225	32.281.360.069	-	-



b) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/03/2026		01/04/2025	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận (*)	-	-	5.000.000.000	75.342.466
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>75.342.466</u>

Ghi chú:

(*) Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2025)

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	194.467.380	577.278.473
	<u>194.467.380</u>	<u>577.278.473</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	837.608.023	2.483.499.454
	<u>837.608.023</u>	<u>2.483.499.454</u>



Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	245.335.910.000		(721.880.000)	(18.711.323.912)		225.902.706.088
Lãi trong năm trước	-		-	38.114.482.657		38.114.482.657
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển	-		-	(638.906.344)		(638.906.344)
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		-	66.568.448		66.568.448
Số dư cuối năm trước	245.335.910.000		(721.880.000)	18.830.820.849		263.444.850.849
Số dư đầu năm nay	245.335.910.000		(721.880.000)	18.830.820.849		263.444.850.849
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	17.114.040.000		-	(17.114.040.000)		-
Lãi trong năm nay	-		-	72.808.746.582		72.808.746.582
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay	-		-	(115.048.718)		(115.048.718)
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-		-	(361.322.964)		(361.322.964)
Thù lao Ban quản trị năm 2024	-		-	(230.000.000)		(230.000.000)
Tạm chia cổ tức năm nay	-		-	(26.172.807.000)		(26.172.807.000)
Số dư cuối năm nay	262.449.950.000		(721.880.000)	47.646.348.749		309.374.418.749

(*) Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức với các thông tin cụ thể sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.712.298 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành theo tỷ lệ: 1.711.404 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu lẻ hủy bỏ theo phương án phát hành: 894 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 17.114.040.000 VND;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ 100:7, cứ 100 cổ phần hiện hữu sẽ nhận thêm 07 cổ phần phát hành mới;
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Thời gian hoàn thành: Ngày 12/09/2025.



b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	245.335.910.000	245.335.910.000
- Vốn góp tăng trong năm	17.114.040.000	-
- Vốn góp cuối năm	<u>262.449.950.000</u>	<u>245.335.910.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	38.132.300	38.132.300
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	43.286.847.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.114.040.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	26.172.807.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(25.998.927.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	(25.998.927.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(17.114.040.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.114.040.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>212.012.300</u>	<u>38.132.300</u>
c) Cổ phiếu		
	31/03/2026	01/04/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.244.995	24.533.591
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	26.244.995	24.533.591
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	72.188	72.188
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	26.172.807	24.461.403
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		
22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
a) Ngoại tệ các loại		
	31/03/2026	01/04/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.650,39	3.040,51
- Đồng Euro (EUR)	161,20	181,82
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000
- Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500
- Khu Quản lý Đường bộ II	73.227.380	73.227.380
- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 494	40.000.000	40.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	113.400.281	113.400.281
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - Công ty Cổ phần	366.026.993	366.026.993
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	2.310.000.000	2.310.000.000
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	50.000.000	-
	<u>3.090.813.154</u>	<u>3.040.813.154</u>

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	67.706.810.854	126.785.418.311
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	18.787.336.213	22.710.340.499
	86.494.147.067	149.495.758.810
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)	7.994.618.738	14.873.734.626

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	70.443.385.845	101.280.671.456
Giá vốn của dịch vụ và kỹ thuật đã cung cấp (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.185.745.693 (12.140.260.579)	10.555.499.682 (2.302.498.127)
	72.488.870.959	109.533.673.011
Trong đó: Tổng giá trị mua vào từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)	30.810.736.495	25.753.878.474

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	942.303.865	412.780.145
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.373.849	14.417.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.302.270.000	17.162.897.048
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	5.190.616
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.804.396	1.993.209
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8.024
	13.258.752.110	17.597.286.136
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)	12.302.270.000	17.245.358.353

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lãi tiền vay	158.680.057	1.672.244.207
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	2.475
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.212.000.000	2.685.100.000
	1.370.680.057	4.357.346.682
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)	-	553.800.001

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.159.259	156.298.534
Chi phí nhân công	-	6.725.044.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	215.099.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.311.246	388.653.330
Chi phí khác bằng tiền	3.801.434	545.356.001
	238.271.939	8.030.452.232
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)	(45.000.000)	11.412.500

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.556.795	129.819.178
Chi phí nhân công	8.234.068.096	11.531.969.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	435.903.154	374.750.035
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(66.158.454.239)	(5.754.568.497)
Thuế, phí, và lệ phí	113.320.695	70.629.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.064.307.137	1.982.396.560
Chi phí khác bằng tiền	387.079.629	380.046.133
	(47.725.218.733)	8.715.042.515
Trong đó: Chi phí phân bổ chi phí chung cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)	(877.216.228)	(191.441.800)

29 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	586.363.637	2.727.273
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	-	1.818.180
Thu nhập từ tiền lãi do khách hàng chậm thanh toán	-	63.052.867
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.002.282.845	1.539.212.524
Xử lý công nợ	-	687.982.184
Thu nhập khác	31.348.808	104.298.677
	2.619.995.290	2.399.091.705

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	251.605.705
Chi phí khác	51.485.962	179.460.279
	51.485.962	431.065.984

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	75.948.804.283	38.424.556.227
Các khoản điều chỉnh tăng	600.436.126	848.641.371
- Chi phí không hợp lệ	600.436.126	848.641.371
Các khoản điều chỉnh giảm	(60.848.951.904)	(39.273.197.598)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(12.302.270.000)	(17.162.897.048)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(2.804.396)	(1.993.209)
- Chuyển lỗ các năm trước	(48.543.877.508)	(22.108.307.341)
Thu nhập tính thuế TNDN	15.700.288.505	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.140.057.701	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	310.073.570
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(310.073.570)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.140.057.701	-

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.281.499.015	286.117.712
Chi phí nhân công	8.234.068.096	18.257.014.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.920.866.868	3.208.679.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.297.254.453	21.648.926.322
Chi phí khác bằng tiền	3.242.343.306	2.850.932.765
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(66.158.454.239)	(5.754.568.497)
	16.817.577.499	40.497.101.757

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.781.802.135	-	-	14.781.802.135
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.826.569.078	106.251.234	-	35.932.820.312
Các khoản cho vay	36.554.295.770	-	-	36.554.295.770
	87.162.666.983	106.251.234	-	87.268.918.217
Tại ngày 01/04/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.281.802.836	-	-	4.281.802.836
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.304.669.607	-	-	65.304.669.607
Các khoản cho vay	10.565.032.014	-	-	10.565.032.014
	80.151.504.457	-	-	80.151.504.457

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2026				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	10.561.299.220	501.042.500	-	11.062.341.720
Chi phí phải trả	143.212.271	-	-	143.212.271
	10.704.511.491	501.042.500	-	11.205.553.991
Tại ngày 01/04/2025				
Vay và nợ	26.868.672.844	-	-	26.868.672.844
Phải trả người bán, phải trả khác	10.109.388.500	195.200.000	-	10.304.588.500
Chi phí phải trả	256.998.545	-	-	256.998.545
	37.235.059.889	195.200.000	-	37.430.259.889

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	5.412.687.225	82.115.736.315
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	32.281.360.069	114.104.574.354

35 . THÔNG TIN KHÁC

a) **Thông tin về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 26/06/2025, Công ty thông qua phương án phát hành như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ ITD;
- Mã cổ phiếu: ITD;
- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD có tên trong danh sách người sở hữu cổ phiếu của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
- Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 7.852.110 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 78.521.100.000 VND;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:03. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 03 cổ phiếu phát hành thêm;
- Các hạn chế liên quan đến việc hạn chế chuyển nhượng:
 - + Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng;
 - + Trường hợp Công ty thực hiện phân phối cổ phiếu chưa chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua cho các nhà đầu tư có nhu cầu thì số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được cân đối sử dụng cho các mục đích sau:
 - + Tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu: 30.000.000.000 VND;
 - + Góp vốn thành lập/Tăng vốn Điều lệ Công ty Cổ phần ITD Global : 48.521.100.000 VND;
- Thời gian thực hiện: Trong năm tài chính 2025 (trước ngày 31/03/2026), ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.
- Kết quả thực hiện: Trong năm 2025, do có nhiều thay đổi liên quan đến định hướng và phương án triển khai, Hội đồng Quản trị nhận thấy thời điểm hiện tại chưa phù hợp để thực hiện phương án phát hành cổ phần. Vì vậy, Hội đồng Quản trị dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, quyết định đối với phương án này và sẽ công bố phù hợp với quy định hiện hành.

b) Thông tin về vụ kiện với Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC

Vào ngày 30/10/2022, Công ty đã gửi đến Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC ("VETC") thanh toán các khoản nợ quá hạn với số tiền 61.425.222.328 VND và tiền lãi tạm tính là 23.339.041.056 VND (tổng số tiền phải trả là 84.764.263.384 VND).

Tại phiên xử ngày 07/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án số 78/2023/KDTM-ST về việc tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cung ứng thiết bị, theo đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc VETC phải trả cho Công ty tổng số tiền là 91.722.815.487 VND (trong đó 61.425.222.328 VND là số tiền nợ gốc còn phải trả và 30.297.593.160 VND là số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/09/2023).

Vào ngày 14/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã nhận được đơn kháng cáo của VETC về bản án trên.

Tại phiên xử ngày 11/04/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án phúc thẩm số 82/2024/KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Theo đó, chấp nhận một phần kháng cáo của VETC, số tiền VETC phải trả cho Công ty giảm xuống còn 90.668.441.912 VND (trong đó số tiền nợ gốc còn phải trả là 59.925.222.327 VND, số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/09/2023 là 30.743.219.585 VND).

Căn cứ theo Biên bản làm việc ngày 16/12/2025, số tiền VETC phải trả cho ITD là 90.668.441.912 VND, trong đó công nợ còn phải thanh toán tính đến 31/03/2023 VETC xác nhận là 68.549.423.798 VND, chênh lệch 50.000.000 VND so với số ITD theo dõi. Hai bên thống nhất số tiền chênh lệch sẽ được xóa nợ.

Từ ngày 01/04/2025 đến nay Công ty đã thu hồi 66.782.737.696 VND. Số tiền trích lập dự phòng trước đó 65.737.148.599 VND đã thực hiện hoàn nhập trong năm.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.



Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Doanh thu viễn thông tin học	Doanh thu hạ tầng giao thông	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	15.949.761.135	55.275.607.677	15.268.778.255	86.494.147.067
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	574.275.164	4.774.518.141	8.656.482.803	14.005.276.108
Tài sản không phân bổ				328.517.001.463
Nợ phải trả không phân bổ				19.142.582.714

Theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty con đã giải thể năm trước
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Công ty con
Công ty Cổ phần ITD Global	Công ty con
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Global - Sitem	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần In No	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.994.618.738	14.873.734.626
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	1.797.025.066	5.926.054.144
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	2.344.571.806	2.226.923.896
- Công ty TNHH Global - Sitem	934.270.790	883.485.874
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	2.918.751.076	5.399.036.125
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	435.414.587
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	2.820.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	30.810.736.495	25.753.878.474
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	20.105.556	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	41.739.992	508.252.620
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	30.748.890.947	25.199.810.854
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	45.815.000
Cổ tức được chia	12.302.270.000	17.162.897.048
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	12.302.270.000	12.445.338.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	4.510.118.000
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	-	207.441.048
Lãi cho vay	-	82.461.305
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	82.461.305

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lãi đi vay	-	553.800.001
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	443.936.987
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	34.520.548
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	-	75.342.466
Chi phí bán hàng	(45.000.000)	11.412.500
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	5.096.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	1.616.500
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	(45.000.000)	4.700.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(877.216.228)	(191.441.800)
- Công ty Cổ phần ITD Global	(12.277.778)	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	(15.902.778)	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	(80.584.853)	(59.949.385)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	(204.203.867)	(217.913.051)
- Công ty TNHH Global - Sitem	(169.745.380)	(166.114.363)
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	(394.501.572)	265.195.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	(12.660.000)
Mua cổ phần	17.316.915.500	19.807.480.000
- Công ty Cổ phần ITD Global	9.899.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	2.049.740.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	5.335.550.000	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	32.625.500	19.807.480.000
Nhận quỹ phúc lợi	537.572.000	781.455.601
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	359.530.601
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	374.602.000	282.736.000
- Công ty TNHH Global - Sitem	162.970.000	58.138.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	-	81.051.000
Cho mượn tiền	-	500.000.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	500.000.000
Thu lại tiền cho mượn	-	4.100.000.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	600.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	-	3.500.000.000



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Từ 01/04/2025	Từ 01/04/2024
		đến 31/03/2026	đến 31/03/2025
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		5.446.139.320	3.209.551.847
- Ông Mai Hoài An	Chủ tịch HĐQT	743.736.636	91.900.000
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	119.787.765	82.900.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó chủ tịch HĐQT	56.001.689	1.520.844.985
	<i>(Bổ nhiệm ngày 01/04/2025 Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)</i>		
- Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.510.787.765	82.900.000
	<i>(Bổ nhiệm ngày 01/04/2025)</i>		
- Ông Đinh Thế Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	112.859.073	49.000.000
- Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	49.000.000	-
- Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban kiểm soát	56.001.689	58.100.000
	<i>(Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)</i>		
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	Giám đốc Kiểm soát nội bộ	1.008.035.250	644.912.500
	<i>(Miễn nhiệm ngày 30/04/2026)</i>		
- Bà Trần Thị Thu Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	40.286.921	48.900.000
	<i>(Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)</i>		
- Bà Vũ Thị Nữ	Kế toán trưởng	474.960.714	167.084.325
	<i>(Bổ nhiệm ngày 22/01/2025 Miễn nhiệm ngày 05/09/2025)</i>		
- Ông Nguyễn Minh Hoàn	Kế toán trưởng	274.681.818	-
	<i>(Bổ nhiệm ngày 05/09/2025)</i>		
- Bà Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	-	463.010.037
	<i>(Từ nhiệm ngày 22/01/2025)</i>		

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Vũ Thị Nữ
 Người lập


 Nguyễn Minh Hoàn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Ngọc Trung
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026